

Số: 2116 /QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 27 tháng 11 năm 2018

TT CÔNG BÁO & TIN HỌC Q. NGÃI	
ĐẾN	Số: .....10883.....
	Ngày: .....27.11.18.....
	Chuyên: .....

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt Đề án tinh giản biên chế năm 2019  
của Sở Y tế tỉnh Quảng Ngãi**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế và Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 01/2015/TTLT-BNV-BTC ngày 14/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ và Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tại Tờ trình số 1921/TTr-SYT ngày 10/10/2018, Công văn số: 2816/SYT-TCBC ngày 18/10/2018, 2873/SYT-TCBC ngày 24/10/2018 và Giám đốc Sở Nội vụ tại Công văn số 2172/SNV ngày 25/10/2018,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt kèm theo Quyết định này Đề án tinh giản biên chế năm 2019 của Sở Y tế tỉnh Quảng Ngãi.

**Điều 2.** Giám đốc Sở Y tế tổ chức triển khai thực hiện Đề án đạt hiệu quả và tập hợp hồ sơ, lập danh sách, dự toán kinh phí chi trả cho đối tượng được tinh giản biên chế theo đúng quy định, trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định và phê duyệt kinh phí chi trả cho các đối tượng.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nội vụ, Y tế, Tài chính và các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Bảo hiểm XH tỉnh;
- VPUB: PCVP (NC), CBTH;
- Lưu: VT, NC, vi924.



Trần Ngọc Căng



## ĐỀ ÁN

Đề án chỉnh sửa quy định về quy chế tổ chức và hoạt động của Sở Y tế tỉnh Quảng Ngãi theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ

(Phê duyệt kèm theo Quyết định số 2116/QĐ-UBND ngày 27/11/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh)

### Phần I

## ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH, MỤC ĐÍCH YÊU CẦU VÀ NGUYÊN TẮC TỈNH GIẢM BIÊN CHẾ

### I. Đặc điểm tình hình:

1. Sở Y tế Quảng Ngãi là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, có chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh về chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân, gồm: Y tế dự phòng, khám, chữa bệnh, phục hồi chức năng, y dược cổ truyền, thuốc phòng chữa bệnh cho người, mỹ phẩm, an toàn vệ sinh thực phẩm, trang thiết bị y tế, dân số; về các dịch vụ công thuộc ngành Y tế; thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn theo sự ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh và theo quy định của pháp luật.

Tổ chức bộ máy của Sở Y tế gồm:

1. Các tổ chức chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Sở:

1.1 Văn phòng;

1.2 Thanh tra;

1.3 Phòng Tổ chức-Cán bộ;

1.4 Phòng Nghiệp vụ Y;

1.5 Phòng Nghiệp vụ Dược;

1.6 Phòng Kế hoạch - Tài chính.

2. Các chi cục trực thuộc Sở:

2.1 Chi cục Dân số - Kế hoạch hoá gia đình;

2.2 Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm.

3. Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở:

\* Tuyển tỉnh:

3.1 Bệnh viện đa khoa tỉnh;

- 3.2 Bệnh viện Sản Nhi tỉnh
- 3.3 Bệnh viện Lao và bệnh phổi
- 3.4 Bệnh viện Tâm thần
- 3.5 Bệnh viện Y học cổ truyền
- 3.6 Trung tâm Kiểm soát bệnh tật
- 3.7 Trung tâm Chăm sóc sức khỏe sinh sản
- 3.8 Trung tâm Mắt
- 3.9 Trung tâm Phong - Da liễu
- 3.10 Trung tâm Nội tiết
- 3.11 Trung tâm Truyền thông Giáo dục sức khỏe
- 3.12 Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm
- 3.13 Trung tâm giám định y khoa
- \* Tuyến huyện:
  - 3.14 Bệnh viện đa khoa Đặng Thùy Trâm
  - 3.15 Bệnh viện đa khoa huyện Sơn Tịnh
  - 3.16 Trung tâm y tế thành phố Quảng Ngãi
  - 3.17 Trung tâm y tế huyện Đức Phổ
  - 3.18 Trung tâm y tế huyện Mộ Đức
  - 3.19 Trung tâm y tế huyện Nghĩa Hành
  - 3.20 Trung tâm y tế huyện Tư Nghĩa
  - 3.21 Trung tâm y tế huyện Sơn Tịnh
  - 3.22 Trung tâm y tế huyện Bình Sơn
  - 3.23 Trung tâm y tế huyện Trà Bồng
  - 3.24 Trung tâm y tế huyện Tây Trà
  - 3.25 Trung tâm y tế huyện Sơn Hà
  - 3.26 Trung tâm y tế huyện Sơn Tây
  - 3.27 Trung tâm y tế huyện Minh Long
  - 3.28 Trung tâm y tế huyện Ba Tơ
  - 3.29 Trung tâm y tế Quân dân y huyện Lý Sơn.
  - 3.30 Trung tâm Dân số-KHHGD huyện Bình Sơn
  - 3.31 Trung tâm Dân số-KHHGD huyện Sơn Tịnh
  - 3.32 Trung tâm Dân số-KHHGD thành phố Quảng Ngãi

- 3.33 Trung tâm Dân số-KHHGĐ huyện Tư Nghĩa
- 3.34 Trung tâm Dân số-KHHGĐ huyện Mộ Đức
- 3.35 Trung tâm Dân số-KHHGĐ huyện Đức Phổ
- 3.36 Trung tâm Dân số-KHHGĐ huyện Nghĩa Hành
- 3.37 Trung tâm Dân số-KHHGĐ huyện Ba Tơ
- 3.38 Trung tâm Dân số-KHHGĐ huyện Minh Long
- 3.39 Trung tâm Dân số-KHHGĐ huyện Sơn Hà
- 3.40 Trung tâm Dân số-KHHGĐ huyện Sơn Tây
- 3.41 Trung tâm Dân số-KHHGĐ huyện Trà Bồng
- 3.42 Trung tâm Dân số-KHHGĐ huyện Tây Trà
- 3.43 Trung tâm Dân số-KHHGĐ huyện Lý Sơn

\* Tuyển xã:

- 183 Trạm y tế xã, phường, thị trấn là đơn vị chuyên môn kỹ thuật trực thuộc Trung tâm y tế huyện hoặc trực thuộc Trung tâm y tế dự phòng

## **II. Mục đích, yêu cầu và nguyên tắc tinh giản biên chế**

### **1. Mục đích, yêu cầu**

a) Tinh giản biên chế nhằm rà soát, xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức bộ máy nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; nâng cao chất lượng hoạt động, hiệu lực, hiệu quả của tổ chức bộ máy, làm tiền đề cho việc đổi mới căn bản hệ thống hành chính nhà nước. Trên cơ sở đó sắp xếp lại tổ chức và thực hiện đánh giá, phân loại công chức, viên chức, lao động hợp đồng không xác định thời hạn trong cơ quan.

b) Thực hiện mục tiêu từng bước xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có đủ phẩm chất, trình độ, năng lực để nâng cao chất lượng cán bộ, công chức, viên chức, đảm bảo tính chuyên nghiệp của hoạt động chuyên môn.

c) Nhằm hội nhập các nước ASEAN, từ ngày 01/01/2021 đội ngũ Điều dưỡng, Hộ sinh, Kỹ thuật y và Dược phải là trình độ cao đẳng trở lên. Theo đó số viên chức đã tuyển có trình độ trung cấp có tuổi đời còn trẻ cần được đào tạo nâng cao để chuẩn hóa. Bên cạnh đó số viên chức có trình độ trung cấp lớn tuổi không thể tiếp tục đào tạo nâng cao cần được tinh giản biên chế để đảm bảo tính chuẩn mực và theo đề án vị trí việc làm.

### **2. Nguyên tắc tinh giản biên chế**

a) Bảo đảm hoàn thành các chức năng, nhiệm vụ được giao trên cơ sở sắp xếp bố trí hợp lý lại lao động trong cơ quan, đơn vị để nâng cao năng suất lao động và tinh thần trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức.

b) Trên cơ sở rà soát, điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ chế quản lý của từng cơ quan, đơn vị để sắp xếp tổ chức hợp lý và phân định rõ biên

chế trong các cơ quan hành chính với biên chế trong các đơn vị sự nghiệp; có kế hoạch giảm biên chế phù hợp cho từng cơ quan, đơn vị;

c) Biên chế của từng cơ quan, đơn vị phải được dựa trên cơ sở xác định nội dung, khối lượng công việc cụ thể và tiêu chuẩn chức danh, cơ cấu cán bộ, công chức, viên chức hợp lý; có cơ chế thích hợp để bố trí kinh phí cho hoạt động của các cơ quan, đơn vị.

d) Bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ, công khai, minh bạch theo đúng quy định của pháp luật.

e) Bảo đảm thực hiện tốt việc tinh giản biên chế mà không gây ảnh hưởng lớn đến tư tưởng, đời sống cán bộ, công chức, viên chức.

g) Phải đảm bảo chi trả chế độ, chính sách tinh giản biên chế kịp thời, đầy đủ và đúng theo quy định của pháp luật;

h) Người đứng đầu phải chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện tinh giản biên chế trong cơ quan mình quản lý theo thẩm quyền.

## **Phần II** **CĂN CỨ PHÁP LÝ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN**

- Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/04/2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế và số 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ;

- Thông tư Liên tịch số 01/2015/TTLT-BNV-BTC ngày 14/4/2015 của liên Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ;

- Kế hoạch số 82/KH-UBND ngày 04/6/2019 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc thực hiện Nghị quyết số 08/NQ-CP ngày 24/01/2018 của Chính phủ, Kế hoạch số 126-KH/TU ngày 05/4/2018 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 19 của Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương khóa XII;

- Kế hoạch số 83/KH-UBND ngày 04/6/2019 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc thực hiện Nghị quyết số 10/NQ-CP ngày 03/02/2018 của Chính phủ, Kế hoạch số 125-KH/TU ngày 05/4/2018 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 18 của Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương khóa XII.

## **Phần III** **TINH GIẢN BIÊN CHẾ**

**I. Thực trạng biên chế, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của công chức, viên chức hiện nay**

**1. Về thực trạng biên chế**

### 1.1 Biên chế hành chính:

Tổng biên chế hành chính được giao là 59 chỉ tiêu, đến nay đã thực hiện 55 biên chế. Trong đó Văn phòng Sở 32, Chi cục Dân số-KHHGD 13, Chi cục An toàn Vệ sinh thực phẩm 10.

\* Hợp đồng lao động theo Nghị định 68 có 07 người.

### 1.2 Biên chế sự nghiệp:

Tổng biên chế sự nghiệp được giao 3.233 biên chế; hiện có: 2.979 biên chế.

\* Hợp đồng lao động theo Nghị định 68 có 189 người.

## 2. Về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ:

### 2.1) Khối hành chính:

Tổng số viên chức hiện có: 55 , trong đó:

- Tiến sĩ: 01; tỷ lệ: 1,82%
- Bác sĩ CKII: 03; tỷ lệ: 3,64%
- Thạc sĩ: 08; tỷ lệ: 14,54%
- Bác sĩ CKI :04; tỷ lệ: 7,27%
- Dược sĩ CKI: 02; tỷ lệ: 3,64%
- Đại học: 34; tỷ lệ: 60%
- Cao đẳng: 01; tỷ lệ: 1,82%
- Trung cấp: 02; tỷ lệ: 3,64%
- Sơ cấp: 01; tỷ lệ: 1,82%

### 2.2) Khối sự nghiệp

Tổng số viên chức hiện có 4.039 người (biên chế, HĐ 68, định biên Y tế xã theo TTLT 08/2007/TTLT-BYT-BNV)

- Tiến sĩ: 01; tỷ lệ: 0,02%
- Bác sĩ CKII: 31; tỷ lệ: 0,77%
- Thạc sĩ: 82; tỷ lệ: 2,03%
- Bác sĩ CKI: 198; tỷ lệ: 4,90 %
- Dược sĩ CKI: 12; tỷ lệ: 0,30%
- Đại học: 984; tỷ lệ: 24,36%
- Cao đẳng: 172; tỷ lệ: 4,26%
- Trung cấp: 2.307; tỷ lệ: 57,11%
- Sơ cấp: 09; tỷ lệ: 0,22%

- Viên chức khác: 243; tỷ lệ: 6,02%

## **II. Xác định đối tượng tinh giản biên chế**

1. Những người thuộc diện dôi dư do rà soát, sắp xếp lại tổ chức bộ máy các phòng chuyên môn nghiệp vụ theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước, không còn phù hợp với vị trí việc làm mới.

2. Dôi dư do cơ cấu lại cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm, nhưng không thể bố trí, sắp xếp được việc làm khác.

3. Chưa đạt trình độ đào tạo theo tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ quy định đối với vị trí việc làm đang đảm nhiệm, nhưng không có vị trí việc làm khác phù hợp để bố trí và không thể bố trí đào tạo lại để chuẩn hóa về chuyên môn, nghiệp vụ hoặc được quan quan bố trí việc làm khác, cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý.

4. Có chuyên ngành đào tạo không phù hợp với vị trí việc làm hiện đang đảm nhiệm nên bị hạn chế về năng lực hoàn thành công việc được giao, nhưng không thể bố trí việc làm khác hoặc được quan quan bố trí việc làm khác, cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý.

5. Có 02 năm liên tiếp liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, cán bộ, công chức được phân loại, đánh giá xếp vào mức hoàn thành nhiệm vụ nhưng còn hạn chế về năng lực hoặc có 01 năm hoàn thành nhiệm vụ nhưng còn hạn chế về năng lực và 01 năm không hoàn thành nhiệm vụ nhưng không thể bố trí việc làm khác phù hợp hoặc không hoàn thành nhiệm vụ trong năm trước liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý.

6. Có 02 năm liên tiếp liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, viên chức có 01 năm được phân loại đánh giá xếp vào mức hoàn thành nhiệm vụ và 01 năm không hoàn thành nhiệm vụ nhưng không thể bố trí việc làm khác phù hợp hoặc không hoàn thành nhiệm vụ trong năm trước liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý.

## **III. Kế hoạch tinh giản biên chế**

Qua thực trạng về tổ chức bộ máy, biên chế, đội ngũ công chức, viên chức và rà soát lại chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức bộ máy; chất lượng đội ngũ công chức, viên chức; Sở Y tế tỉnh xác định kế hoạch thực hiện tinh giản biên chế như sau:

Trong năm 2019, có 30 viên chức thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo Nghị định 108/2014/NĐ-CP của Chính phủ.

*(Có danh sách kèm theo).*

## **IV. Quản lý và sử dụng biên chế đã thực hiện tinh giản**

Sở Y tế được sử dụng tối đa 50% số biên chế đã thực hiện tinh giản theo Đề án này để tuyển dụng, tiếp nhận mới viên chức theo quy định.

#### **Phần IV**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

1. Giao cho Sở Y tế có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Đề án đạt hiệu quả, đúng với các quy định hiện hành của Nhà nước.

Sau khi UBND tỉnh có Quyết định phê duyệt Đề án tinh giản biên chế cho cán bộ, công chức, viên chức; Sở Y tế có trách nhiệm lập hồ sơ, danh sách và dự toán số tiền trợ cấp cụ thể cho đối tượng tinh giản biên chế theo quy định, gửi Sở Nội vụ thẩm định đối tượng và Sở Tài chính thẩm định kinh phí trình UBND tỉnh phê duyệt, chi trả trợ cấp cho đối tượng được hưởng chính sách tinh giản biên chế theo quy định.

2. Định kỳ vào ngày 15/12 hàng năm, Sở Y tế có trách nhiệm tổng hợp kết quả, đánh giá tình hình thực hiện tinh giản biên chế của đơn vị mình, báo cáo cho UBND tỉnh (*qua Sở Nội vụ*).

---





DANH SÁCH ĐÓNG TƯ ĐANG THỰC HIỆN TÌNH GIẢN BIÊN CHẾ NĂM 2019 CỦA SỞ Y TẾ THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 108/2014/NĐ-CP  
NGÀY 20/11/2014 CỦA CHÍNH PHỦ

Kèm theo Quyết định số 116/QĐ-UBND ngày 27/11/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi

TT	Đơn vị Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Chức danh chuyên môn đang đảm nhận	Số năm đóng BHXH	Tuổi khi giải quyết tình giản biên chế	Thời điểm tình giản biên chế	Lý do tình giản biên chế	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8		
<b>KHỐI SỰ NGHIỆP</b>									
<b>Nghỉ hưu trước tuổi</b>									
<i>Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh</i>									
1	Võ Nguyên Diễm Thúy	15/02/1969	Sau Đại học	Bác sĩ YHDP hạng III	25 năm 5 tháng	50 tuổi	01/3/2019	Dôi dư do rà soát, sắp xếp lại tổ chức bộ máy, nhân sự theo Quyết định số 1499/QĐ-UBND ngày 17/8/2017 của UBND tỉnh V/v thành lập TT Kiểm soát bệnh tật	
2	Nguyễn Thị Thu Trang	01/11/1969	Sau Đại học	Phó trưởng khoa	22 năm 9 tháng	50 tuổi	01/12/2019	Dôi dư do rà soát, sắp xếp lại tổ chức bộ máy, nhân sự theo Quyết định số 1499/QĐ-UBND ngày 17/8/2017 của UBND tỉnh V/v thành lập TT Kiểm soát bệnh tật	
<i>Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh</i>									
3	Nguyễn Văn Minh	02/02/1962	Đại học	Dược sĩ hạng III	37 năm 02 tháng	57 tuổi 8 tháng	01/11/2019	Dôi dư do cơ cấu lại viên chức theo vị trí việc làm, nhưng không thể sắp xếp được việc làm khác	
<i>Trung tâm Chăm sóc sức khỏe sinh sản</i>									

	1	2	3	4	5	6	7	8	
4	Nguyễn Thị Thu Hoa	11/6/1966	Sau Đại học	Phó Giám đốc	25 năm 01 tháng	52 tuổi 6 tháng	01/01/2019	Dôi dư do rà soát, sắp xếp lại tổ chức bộ máy, nhân sự theo Quyết định số 1546/QĐ-UBND ngày 10/9/2018 V/v sáp nhập Trung tâm CSSKSS tỉnh vào Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh (hiện Trung tâm có 03 PGĐ)	
5	Trương Thị Xinh	12/6/1966	Đại học	Kế toán viên	32 năm 11 tháng	52 tuổi 8 tháng	01/3/2019	Dôi dư do rà soát, sắp xếp lại tổ chức bộ máy, nhân sự theo Quyết định số 1546/QĐ-UBND ngày 10/9/2018 V/v sáp nhập Trung tâm CSSKSS tỉnh vào Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh	
6	Hồ Thị Hoàng	02/02/1967	Trung cấp	Điều dưỡng	27 năm 9 tháng	52 tuổi 02 tháng	01/5/2019	Dôi dư do rà soát, sắp xếp lại tổ chức bộ máy, nhân sự theo Quyết định số 1546/QĐ-UBND ngày 10/9/2018 V/v sáp nhập Trung tâm CSSKSS tỉnh vào Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh	
<i>Bệnh viện đa khoa huyện Sơn Tịnh</i>									
7	Đào Thị Thu Sương	03/02/1966	Trung cấp	Phó Phòng khám	30 năm 01 tháng	52 tuổi 10 tháng	01/01/2019	Chưa đạt trình độ đào tạo theo tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ quy định đối với vị trí việc làm đang đảm nhiệm, nhưng không có vị trí việc làm khác phù hợp để bố trí và không thể bố trí đào tạo lại để chuẩn hóa về chuyên môn	
8	Phạm Thị Huệ	15/10/1967	Sơ cấp	Thủ quỹ	35 năm 7 tháng	51 tuổi 02 tháng	01/01/2019	Chưa đạt trình độ đào tạo theo tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ quy định đối với vị trí việc làm đang đảm nhiệm, nhưng không có vị trí việc làm khác phù hợp để bố trí và không thể bố trí đào tạo lại để chuẩn hóa về chuyên môn	
<i>Trung tâm Y tế huyện Tư Nghĩa</i>									
9	Võ Năng Tho	10/12/1961	Trung cấp	Điều dưỡng	39 năm 01 tháng	57 tuổi	01/01/2019	Dôi dư do cơ cấu lại viên chức theo vị trí việc làm nhưng không thể bố trí, sắp xếp được việc làm khác	

	1	2	3	4	5	6	7	8
10	Lê Thanh Toại	20/6/1964	Trung cấp	Điều dưỡng	35 năm 11 tháng	55 tuổi	01/7/2019	Dôi dư do cơ cấu lại viên chức theo vị trí việc làm nhưng không thể bố trí, sắp xếp được việc làm khác
Trung tâm Y tế huyện Nghĩa Hành								
11	Võ Quang Khanh	01/01/1963	Trung cấp	Phó phòng TC-HC	37 năm	56 tuổi	01/02/2019	Chưa đạt trình độ đào tạo theo tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ quy định đối với vị trí việc làm đang đảm nhiệm, nhưng không có vị trí việc làm khác phù hợp để bố trí và không thể bố trí đào tạo lại để chuẩn hóa về chuyên môn
12	Nguyễn Tê	10/11/1964	Trung cấp	Điều dưỡng	37 năm 9 tháng	55 tuổi	01/12/2019	Dôi dư do cơ cấu lại viên chức theo vị trí việc làm nhưng không thể bố trí, sắp xếp được việc làm khác
Trung tâm Y tế huyện Đức Phổ								
13	Trần Thị Lệ	10/10/1969	Trung cấp	Y sĩ hạng IV	24 năm 10 tháng	50 tuổi	01/11/2019	Dôi dư do cơ cấu lại viên chức theo vị trí việc làm nhưng không thể bố trí, sắp xếp được việc làm khác
14	Đặng Thị Ngọc Loan	19/9/1966	Trung cấp	Y sĩ hạng IV	29 năm 6 tháng	52 tuổi 9 tháng	01/7/2019	Dôi dư do cơ cấu lại viên chức theo vị trí việc làm nhưng không thể bố trí, sắp xếp được việc làm khác
Trung tâm Y tế huyện Bình Sơn								
15	Nguyễn Thành Nông	01/01/1962	Cao đẳng	Kỹ thuật viên	33 năm 4 tháng	56 tuổi 11 tháng	01/01/2019	Dôi dư do cơ cấu lại viên chức theo vị trí việc làm nhưng không thể bố trí, sắp xếp được việc làm khác
16	Ngô Thị Hoanh	20/12/1968	Sơ cấp	Hộ lý	31 năm 7 tháng	50 tuổi	01/01/2019	Dôi dư do cơ cấu lại viên chức theo vị trí việc làm nhưng không thể bố trí, sắp xếp được việc làm khác
Trung tâm Y tế huyện Minh Long								
17	Phạm Thanh Hùng	01/8/1962	Sơ cấp	Kỹ thuật viên	34 năm 11 tháng	56 tuổi 4 tháng	01/01/2019	Dôi dư do cơ cấu lại viên chức theo vị trí việc làm nhưng không thể bố trí, sắp xếp được việc làm khác
Bệnh viện đa khoa thành phố								

	1	2	3	4	5	6	7	8	
18	Nguyễn Thị Thanh Diễm	01/5/1968	Sau Đại học	Trưởng khoa	22 năm	50 tuổi 7 tháng	01/01/2019	Dôi dư do rà soát, sắp xếp lại tổ chức bộ máy, nhân sự theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền (sáp nhập BVĐK thành phố và BVĐ Dung Quất vào BVĐK tỉnh)	
19	Mai Thị Hoàng Linh	16/9/1968	Đại học	Phó trưởng phòng	23 năm 02 tháng	50 tuổi 3 tháng	01/01/2019	Dôi dư do rà soát, sắp xếp lại tổ chức bộ máy, nhân sự theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền (sáp nhập BVĐK thành phố và BVĐ Dung Quất vào BVĐK tỉnh)	
20	Phạm Thúy Ái	14/9/1964	Sau Đại học	Trưởng khoa	29 năm 11 tháng	54 tuổi 3 tháng	01/01/2019	Dôi dư do rà soát, sắp xếp lại tổ chức bộ máy, nhân sự theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền (sáp nhập BVĐK thành phố và BVĐ Dung Quất vào BVĐK tỉnh)	Nữ >53
21	Bùi Thị Mỹ Nhân	15/01/1965	Đại học	Trưởng khoa	29 năm 9 tháng	53 tuổi 10 tháng	01/01/2019	Dôi dư do rà soát, sắp xếp lại tổ chức bộ máy, nhân sự theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền (sáp nhập BVĐK thành phố và BVĐ Dung Quất vào BVĐK tỉnh)	Nữ >53
<b>Hợp đồng theo Nghị định 68</b>									
22	Nguyễn Thanh Tông	01/01/1963	Sơ cấp	Lái xe	21 năm 7 tháng	55 tuổi 11 tháng	01/01/2019	Dôi dư do rà soát, sắp xếp lại tổ chức bộ máy, nhân sự theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền (sáp nhập BVĐK thành phố và BVĐ Dung Quất vào BVĐK tỉnh)	
<b>Y tế xã, phường, thị trấn</b>									
<b>Trung tâm Y tế huyện Nghĩa Hành</b>									
<b>Trạm Y tế TT Chợ Chùa</b>									
23	Nguyễn Thị Thanh Nga	17/02/1967	Trung cấp	Hộ sinh	27 năm 11 tháng	51 tuổi 10 tháng	01/01/2019	Dôi dư do cơ cấu lại viên chức theo vị trí việc làm nhưng không thể bố trí, sắp xếp được việc làm khác	
<b>Trung tâm Y tế dự phòng huyện Đức Phổ</b>									
<b>Trạm Y tế xã Phô Vinh</b>									

	1	2	3	4	5	6	7	8
24	Đỗ Chiêm Cái	02/12/1963	Đại học	Bác sĩ hạng III	31 năm 9 tháng	55 tuổi 5 tháng	01/6/2019	Có 01 năm liền kể tại thời điểm xét tinh giản biên chế, viên chức được phân loại đánh giá xếp vào mức không hoàn thành nhiệm vụ nhưng không thể bố trí việc làm khác phù hợp
<i>Trạm Y tế xã Phó Phong</i>								
25	Nguyễn Quang Bửu	13/02/1961	Trung cấp	Phó Trưởng trạm	39 năm 6 tháng	57 tuổi 10 tháng	01/01/2019	Chưa đạt trình độ đào tạo theo tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ quy định đối với vị trí việc làm đang đảm nhiệm, nhưng không có vị trí việc làm khác phù hợp để bố trí và không thể bố trí đào tạo lại để chuẩn hóa về chuyên môn
<i>Trạm Y tế xã Phó An</i>								
26	Nguyễn Hương	20/3/1963	Trung cấp	Phó trưởng trạm	36 năm 4 tháng	55 tuổi 8 tháng	01/12/2019	Chưa đạt trình độ đào tạo theo tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ quy định đối với vị trí việc làm đang đảm nhiệm, nhưng không có vị trí việc làm khác phù hợp để bố trí và không thể bố trí đào tạo lại để chuẩn hóa về chuyên môn
<i>Trạm Y tế xã Bình Dương</i>								
27	Lê Quang Quân	04/11/1964	Trung cấp	Y sĩ	32 năm 3 tháng	55 tuổi	01/12/2019	Đôi dư do cơ cấu lại viên chức theo vị trí việc làm nhưng không thể bố trí, sắp xếp được việc làm khác
<i>Thôi việc ngay</i>								
<i>Trung tâm phong và Da liễu tỉnh</i>								
28	Trịnh Thị Vân Hương	27/8/1971	Đại học	Kế toán viên	21 năm 10 tháng	48 tuổi 3 tháng	01/12/2019	Đôi dư do cơ cấu lại viên chức theo vị trí việc làm, năng lực, trình độ chuyên môn còn nhiều hạn chế... Đơn vị không thể bố trí, sắp xếp được việc làm khác
<i>Bệnh viện đa khoa huyện Sơn Tịnh</i>								
29	Phan Thị Thanh Huyền	25/6/1972	Trung cấp	Hộ sinh	18 năm 8 tháng	46 tuổi 6 tháng	01/01/2019	Chưa đạt trình độ đào tạo theo tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ quy định đối với vị trí việc làm đang đảm nhiệm, không thể bố trí, sắp xếp việc làm khác

	1	2	3	4	5	6	7	8
	Bệnh viện đa khoa thành phố							
30	Trần Đình Hoàng	15/01/1969	Sau đại học	Phó Giám đốc	22 năm 01 tháng	49 tuổi 11 tháng	01/01/2019	Dôi dư do rà soát, sắp xếp lại tổ chức bộ máy, nhân sự theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền (sáp nhập BVĐK thành phố và BVĐ Dung Quất vào BVĐK tỉnh)

(Danh sách này có 30 người)